TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 8 – 2023.
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Thanh.

2. Bà Bùi Thị Hoàng.

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Kim Khuyên, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc "*tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 273/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 206/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Hồng N, sinh năm 198x;

Địa chỉ: không số nhà, tổ ZX, khóm Y, Phường K, thành phố C, tỉnh Đ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1989.

Địa chỉ: không số nhà, tổ ZX, khóm Y, Phường K, thành phố C, tỉnh Đ.

Chị N có mặt tại phiên tòa; anh Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Bùi Thị Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Qkết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường K, thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23, Quyển số 1/2009, ngày 25/3/2009.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2019, vợ chồng bắt

đầu mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh Qthường uống rượu, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Thời gian sau mâu thuẫn càng trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị Bùi Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn Q có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Bùi Minh K, sinh ngày 25/01/2009 và Nguyễn Bùi Như Y, sinh ngày 12/11/2015. Hai con chung đang sống chung với vợ chồng. Chị Bùi Thị Hồng N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị N vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh Q và yêu cầu được nuôi hai con chung.

Đối với bị đơn, anh Nguyễn Văn Q: Tòa án nhân dân thành phố C đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn Q nhưng anh Q từ chối nhận văn bản của Tòa án và cũng không có văn bản ghi ý kiến, vắng mặt trong quá trình Tòa án thực hiện các giai đoạn tố tụng và phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Nguyễn Văn Q có địa chỉ tại Phường K thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố C đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn Q. Anh Qtừ chối nhận văn bản của Tòa án, không có văn bản ghi ý kiến cũng như vắng mặt trong quá trình Tòa án thực hiện các giai đoạn tố tụng và không có mặt để tham dự phiên tòa sơ thẩm mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Q đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn Q theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự,

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của chị Bùi Thị Hồng N, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N và anh Q kết hôn và có đăng ký kết hôn và được

Ủy ban nhân dân Phường K, thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa chị N và anh Q là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Trong quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Tại phiên tòa, chị N trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh Q là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong gian dài, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, anh Q thường uống rượu, không chăm lo cho gia đình và chăm lo cho các con. Chị N xác định không còn tình cảm với anh Q, chị và anh Q không thể tiếp tục cùng nhau xây dựng gia đình. Khoảng cuối năm 2022, chị N đã gởi đơn để yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Q. Tuy nhiên, để vợ chồng hàn gắn tình cảm nên chị N rút đơn khởi kiện và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 04/2023/QĐST – HNGĐ ngày 27/01/2023. Hiện nay, anh Q vẫn không thay đổi, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng vẫn không cải thiện.

Đối với anh Q, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Q, có văn bản yêu cầu anh Q thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu của chị N nhưng anh Q không có văn bản và vắng mặt trong quá trình Tòa án thực hiện tố tụng. Qua đó cho thấy, anh Q biết việc chị N yêu cầu ly hôn và Tòa án đang giải quyết vụ án nhưng anh Q không quan tâm, không có ý kiến cũng như không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm, mong muốn tiếp tục xây dựng cuộc sống gia đình với chị N. Điều này cho thấy quan hệ hôn nhân giữa N và anh Q đã không thể hàn gắn, chị N và anh Q không còn mong muốn cùng nhau xây dựng gia đình, mục đích hôn nhân giữa chị N và anh Q không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị N. Chị Bùi Thị Hồng N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu của chị N về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi hai chung tên Nguyễn Bùi Minh K, sinh ngày 25/01/2009 và Nguyễn Bùi Như Y, sinh ngày 12/11/2015. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu anh Q cung cấp văn bản thể hiện ý kiến của anh Q đối với yêu cầu của chị N về việc nuôi con chung. Tuy nhiên, anh Q không có văn bản ghi ý kiến. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ về con chung như giấy khai sinh, văn bản ghi ý kiến của hai cháu Minh K và Như Y cũng như xem xét việc đảm bảo sự ổn định về cuộc sống hiện tại và phát triển toàn diện của hai cháu Nguyễn Bùi Minh K và Nguyễn Bùi Như Y, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Hồng N. Chị Bùi Thị Hồng N được trực tiếp nuôi hai con chung như trên.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Bùi Thị Hồng N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị Hồng N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Bùi Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Văn Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Hồng N. Chị Bùi Thị Hồng N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

[2] Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Hồng N.

Chị Bùi Thị Hồng N được trực tiếp nuôi hai chung tên Nguyễn Bùi Minh K, sinh ngày 25/01/2009 và Nguyễn Bùi Như Y, sinh ngày 12/11/2015. Hiện tại hai con chung đang sống chung với chị N.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012327 ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đ. Chị Bùi Thị Hồng N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn Q không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

[6] Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Bùi Thị Hồng N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Chi cục THADS TP.C;
- UBND Phường K, TP. C,
Số 23, QI/2009, ngày 25/3/2009.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Mỹ Như